

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 02-2023

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Kim Quyên

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Như T, sinh năm 1990, địa chỉ cư trú: số A, tổ A, ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Quốc T1, sinh năm 1984. địa chỉ cư trú: số G, tổ B, ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Như T trình bày :

- Về hôn nhân: Chị T và anh T1 sau thời gian tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân từ tháng 11/2019, có chúc lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh T1 sống cùng với gia đình chị T, cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11/2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 có lời nói không tôn trọng cha, mẹ vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau , đã không còn sống chung từ 11/2022 cho đến nay, không thể hàn gắn và đoàn tụ lại được, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 01 đứa con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 10/03/2021, đang sống với chị T, anh T1 đồng ý giao con chung cho

chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có

Bị đơn Huỳnh Quốc T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T1 thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn, anh T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về nuôi con chung: Anh T1 thống nhất như chị T trình bày về con chung, đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh thái không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Như T và anh Huỳnh Quốc T1 là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T và anh T1, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đức Anh, sinh ngày 10/03/2021 đến khi trưởng thành và tự lập được, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1 có địa chỉ cư trú: số G, tổ B, ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 sống chung từ năm 2019, không có đăng ký kết hôn, sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau gần 01 năm nay, chị T yêu cầu ly hôn với anh T1, anh T1 cũng đồng ý. Xét thấy, mặc dù chị T và anh T1 thuận tình ly hôn, nhưng do chị T, anh T1 sống chung không có đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 01 đứa con chung tên cháu Trần Đức A, sinh ngày 10/03/2021 đang sống với chị T, anh T1 đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc tự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T, anh T1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T và anh T1.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung Chị T và anh T1 xác định không có tài sản chung và nợ chung, do đó không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự được khuyến từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006896 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố :

- *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Như T và anh Huỳnh Quốc T1.

- *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa Trần Như T và anh Huỳnh Quốc T1, chị Trần Như T tiếp tục nuôi cháu Trần Đức A, sinh ngày 10/03/2021 đến khi trưởng thành và tự lập được, anh Huỳnh Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Như T tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Huỳnh Quốc T1 đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Huỳnh Quốc T1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có

- Về án phí: Chị Trần Như T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006896 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Chị Trần Như T và anh Huỳnh Quốc T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

PHẠM HÒA BÌNH